



**Phương pháp nghiên cứu**

**Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu thứ cấp**

Dữ liệu thứ cấp trong tài liệu được thu thập từ sách, báo, tạp chí và trên internet. Nguồn dữ liệu này được xử lý bằng phương pháp so sánh, đánh giá, phân tích và tổng hợp nhằm đảm bảo tính giá trị và tính phù hợp đối với những dữ liệu được thừa kế.

**Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp**

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp 115 du khách quốc tế (là những du khách thông thạo tiếng Anh) bằng bảng hỏi trong thời gian 6 tháng (2.2015-7.2015). Các địa điểm lấy mẫu là DLST rừng tràm Trà Sư (40 mẫu), DLST VQG Tràm Chim (40 mẫu) và DLST Gáo Giồng (35 mẫu). Phương pháp lấy mẫu là phi xác suất thuận tiện. Sau khi sàng lọc còn lại 115 mẫu hợp lệ.

Phần mềm SPSS 16.0 for Windows được dùng để xử lý bảng hỏi thông qua các phương pháp: thống kê mô tả, phân tích phương sai một yếu tố, đánh giá độ tin cậy thang đo (Scale Reliability Analysis), phân tích tương quan giữa hai biến số (sử dụng hệ số tương quan Pearson) và phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis).

**Kết quả nghiên cứu**

**Khái quát mẫu nghiên cứu**

Mẫu nghiên cứu bao gồm 46,5% nam và 53,5% nữ với cơ cấu độ tuổi dưới 25 (14,5%), từ 25-34 (15,5%), từ 35-44 (19,5%), từ 45-54 (24,5%) và trên 54 (26%). Trình độ văn hóa của du khách phần lớn là đại học (37%), cao đẳng (27,5%), trên đại học (16,5%), trung cấp (15,5%) và trung học phổ thông (3,5%). Nghề nghiệp của du khách đa phần là người về hưu (27,5%), kinh doanh - buôn bán (21%), công chức - viên chức (17,5%), sinh viên (16,5%), công nhân (11,5%), nông dân (4,5%), cảnh sát - quân nhân (1%) và khác (0,5%).

**Thực trạng hoạt động DLST tại một số địa điểm DLST vùng ĐBSCL**

Những yếu tố hấp dẫn du khách khi lựa chọn DLST tại 3 địa điểm trên là khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp (31,5%); khí hậu trong lành, mát mẻ (27%); sự đa dạng các loài sinh vật (21,5%); sự thân thiện, mến khách của người dân địa phương (15%); thích hợp cho hoạt động dã ngoại, cắm trại (3,5%) và thưởng thức đặc sản (1,5%).

Về những hoạt động của du khách khi đến các địa điểm DLST ở ĐBSCL gồm: tham quan cảnh quan (38,5%), tìm hiểu các loài động thực vật (30,5%), tìm hiểu đời sống người dân địa phương (21%), thưởng thức đặc sản (9,5%) và các hoạt động khác (0,5%).

Bảng 1 cho thấy, du khách chi đánh giá hài lòng về cảnh quan thiên nhiên (trên 4 điểm) và khá hài lòng về 3 tiêu chí: sự đa dạng về hệ động thực vật, an ninh, trật tự và an toàn; giá cả các loại dịch vụ. Tất cả các yếu tố còn lại ở mức bình thường. Mức độ hài lòng chung của du khách đạt 3,43 điểm, ở mức bình thường về loại hình DLST ở 3 địa điểm trên.

Bảng 1: mức độ hài lòng của du khách về các vấn đề liên quan đến DLST

STT	Tiêu chí	Số trung bình	Đánh giá
1	Cảnh quan thiên nhiên	4,05	Hài lòng
2	Sự đa dạng về hệ động thực vật	3,55	Khá hài lòng
3	Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	3,38	Bình thường
4	Cơ sở lưu trú	3,43	Bình thường
5	Phương tiện vận chuyển tham quan	3,36	Bình thường
6	Địch vụ ăn uống, mua sắm và giải trí	3,35	Bình thường
7	An ninh, trật tự và an toàn	3,53	Khá hài lòng
8	Hướng dẫn viên DLST	3,35	Bình thường
9	Nhân viên phục vụ	3,36	Bình thường
10	Giá cả các loại dịch vụ	3,54	Khá hài lòng
11	Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	3,34	Bình thường
12	Lịch lịch DLST mang lại cho công đồng địa phương	3,35	Bình thường

Nguồn: kết quả điều tra du khách năm 2015, n = 115

Bảng 2: sự tương quan giữa mức độ hài lòng, dự định quay trở lại và giới thiệu đến người khác

Mức độ hài lòng		Sự quay trở lại	Giới thiệu	
Mức độ hài lòng	Tương quan Pearson Sig. (2-phía)	1		
Sự quay trở lại	Tương quan Pearson Sig. (2-phía)	0,653** 0,00	1	
Giới thiệu	Tương quan Pearson Sig. (2-phía)	0,727** 0,00	0,653** 0,00	1

\*\* Mức ý nghĩa  $\alpha \leq 0,01$   
 Nguồn: kết quả điều tra du khách năm 2015, n = 115

Bảng 2 cho thấy, với mức ý nghĩa  $\alpha = 0,01$ , độ tin cậy là 99% (kiểm định Pearson, 2 - phía), mức độ hài lòng tương quan thuận với dự định quay lại ở những lần tiếp theo của du khách. Theo [1],  $|r| < 0,4$ : tương quan yếu;  $|r| = 0,4-0,8$ : tương quan trung bình;  $|r| > 0,8$ : tương quan mạnh. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa hai biến,  $r = 0,655$ , tương quan trung bình. Còn đối với mức độ hài lòng tương quan thuận với dự định giới thiệu du lịch đến du khách khác. Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa hai biến,  $r = 0,727$ , tương quan trung bình.

**Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLST tại một số địa điểm DLST vùng ĐBSCL**

Tác giả sử dụng 11 biến đo lường: (1) Cảnh quan thiên nhiên; (2) Sự đa dạng về hệ động thực vật; (3) Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST; (4) Phương tiện tham quan; (5) Dịch vụ ăn uống, mua sắm và giải trí (6) Cơ sở lưu trú; (7) An ninh, trật tự và an toàn; (8) Hướng dẫn viên DLST và nhân viên; (9) Giá cả các dịch vụ; (10) Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan; (11) Lợi ích DLST mang lại cho cộng đồng địa phương để phân tích nhân tố khám phá.

Đề loại bỏ những biến đo lường có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh (corrected item - total correlation) nhỏ hơn 0,3 (do không đủ độ tin cậy) [2, 3] và đảm bảo Cronbach's Alpha từ 0,8-1 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7-0,8 thì thang đo lường sử dụng được. Sau khi đánh giá độ tin cậy của thang đo các biến ở bảng 3 cho thấy, không có biến nào có hệ số tương quan biến nhỏ hơn 0,6 và Cronbach's Alpha = 0,845. Vậy thang đo lường các biến là tốt, do đó 11 biến đo lường đều phù hợp để phân tích nhân tố khám phá ở các bước tiếp theo.

Bảng 3: cronbach's Alpha

Biến quan sát Cronbach's Alpha =0,845	Tương quan biến - tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến này
Cảnh quan thiên nhiên	0,777	0,869
Sự đa dạng về hệ động thực vật	0,769	0,853
Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	0,745	0,843
Cơ sở lưu trú	0,662	0,815
Phương tiện vận chuyển tham quan	0,750	0,838
Dịch vụ ăn uống, mua sắm và giải trí	0,738	0,832
An ninh, trật tự và an toàn	0,728	0,836
Hướng dẫn viên DLST và nhân viên	0,659	0,814
Giá cả các loại dịch vụ	0,731	0,838
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan	0,740	0,846
Lợi ích DLST mang lại cho cộng đồng địa phương	0,767	0,845

Nguồn: kết quả điều tra du khách năm 2015. n = 115

Dùng kiểm định KMO (Kaiser - Meyer - Olkin Measure of sampling adequacy) và kiểm định Bartlett (Bartlett's Test of Sphericity) để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu. Theo [4, 5], KMO  $\geq 0,9$ ; KMO  $\geq 0,8$ : tốt; KMO  $\geq 0,7$ : được; KMO  $\geq 0,6$ : tạm được; KMO  $\geq 0,5$ : xấu và KMO  $< 0,5$ : không thể chấp nhận được. Nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig.  $> 0,05$  không nên áp dụng phân tích nhân tố khi kiểm định, chỉ số KMO của dữ liệu = 0,999 và Bartlett có giá trị Sig. = 0,000  $< 0,05$ : có ý nghĩa thống kê (bảng 4). Dữ liệu thích hợp cho phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 4: kiểm định KMO và Bartlett's

KMO và Bartlett's Test		
Kaiser - Meyer - Olkin Measure of sampling adequacy	Approx. Chi - square df Sig.	0,999 388,899 29 0,000
Bartlett's Test of Sphericity		

Nguồn: kết quả điều tra du khách năm 2015, n=115

Trong phân tích nhân tố, tác giả sử dụng phép trích Principal Components với phép quay Varimax. Dựa vào bảng ma trận sau khi xoay (bảng 5) cho thấy, có ảnh hưởng đến sự phát triển của DLST tại 3 địa điểm trên.

Nhằm đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá, cần loại những biến đo lường có hệ số tải nhân tố không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố. Hệ số nhân tố là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá [5].  $0,3 < \text{hệ số tải nhân tố} \leq 0,4$  được xem là đạt mức tối thiểu;  $0,4 < \text{hệ số tải nhân tố} \leq 0,5$ : quan trọng; hệ số tải nhân tố  $> 0,5$ : có ý nghĩa thực tiễn. Theo [5], nếu chọn tiêu chuẩn  $0,3 < \text{hệ số tải nhân tố} \leq 0,4$  thì cỡ mẫu ít nhất là 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì nên chọn tiêu chuẩn hệ số tải nhân tố  $> 0,55$ , nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì chọn hệ số tải nhân tố là 0,75. Mẫu nghiên cứu là 115, vì vậy biến đo lường được chọn khi có hệ số tải nhân tố  $> 0,55$ . Sau khi loại bỏ những biến đo lường không đạt yêu cầu thì được kết quả như bảng 5.

Bảng 5: ma trận nhân tố sau khi xoay

Biến đo lường	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên (HDV)	0,950			
Kiến thức tổng hợp của HDV	0,947			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khéo léo của HDV	0,940			
Sự thân thiện, nhiệt tình của nhân viên	0,930			
Sự thông thạo ngoại ngữ của nhân viên	0,945			
Kỹ năng giao tiếp ứng xử khéo léo của nhân viên	0,928			
Phương tiện vận chuyển tham quan an toàn, rộng rãi	0,930			
Cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	0,610			
Cơ sở ẩm thực tham quan an toàn, sạch sẽ, an toàn	0,880			
Phương tiện vận chuyển tham quan an toàn, rộng rãi	0,870			
Dịch vụ ăn uống, mua sắm, sạch sẽ, an toàn	0,660			
Trang bị đầy đủ an toàn	0,948			
Các biển thuyết trình rõ ràng, an toàn	0,935			
Nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn, rộng rãi	0,934			
Tiêu chí phương tiện vận chuyển tham quan phù hợp	0,949			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý		0,525		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý		0,515		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý		0,660		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý		0,690		
Không cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp			0,985	
Sự đa dạng về động thực vật			0,958	
Môi trường yên tĩnh trong lành			0,964	
Cảnh sắc giao đẹp mắt trong lành và bảo tồn cảnh quan			0,975	
Lợi ích DLST mang lại cho cộng đồng địa phương			0,963	
Nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn			0,955	
Quan lý thị trấn dễ tiếp xúc				0,835
Quan lý xã/vấn đề chôn lấp, thành phố				0,890
Quan lý thị trấn dễ tiếp xúc				0,884
Quan lý thị trấn dễ tiếp xúc				0,830

Nguồn: kết quả điều tra du khách năm 2015, n=115

Bảng 5 cho thấy, có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLST ở 3 địa điểm du lịch trên là: (1) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 6 biến đo lường và được đặt tên là: "nguồn nhân lực"; (2) Nhóm nhân tố "an toàn và cơ sở hạ tầng phục vụ DLST" chịu tác động của 9 biến đo lường; (3) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 4 biến đo lường và được đặt tên là: "giá cả các loại dịch vụ"; (4) Nhóm nhân tố chịu sự tác động của 6 biến đo lường và được đặt tên là: "môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng"; (5) Nhóm nhân tố "an ninh trật tự" chịu sự tác động của 4 biến đo lường.

Bảng 6: ma trận điểm số nhân tố

Biến đo lường	Nhân tố			
	1	2	3	4
Sự thông thạo ngoại ngữ của HDV (X1)	0,290			
Kiểm duyệt tổng hợp của HDV (X2)	0,245			
Kỹ năng quản lý, ứng xử khách khứa của HDV (X3)	0,319			
Sự nhiệt tình, thật thà của nhân viên (X4)	0,235			
Sự thông thạo ngoại ngữ của nhân viên (X5)	0,242			
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử khôn khéo của nhân viên (X6)	0,230			
Phương tiện vận chuyển tham quan an toàn, rộng rãi (X7)	0,260			
Có nhiều nhà hàng phù hợp với DLST (X8)	0,150			
Có nhiều điểm tham quan ở các tuyến khác nhau (X9)	0,202			
Phòng nghỉ rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, an toàn (X10)	0,195			
Đường đi rộng rãi, thoáng thoáng (X11)	0,45			
Trang bị đầy đủ áo phao (X12)	0,257			
Các bến thuyền rộng rãi, an toàn (X13)	0,250			
Nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn, sáng sủa (X14)	0,249			
Tốc độ phương tiện vận chuyển tham quan phù hợp (X15)	0,259			
Giá cả dịch vụ tham quan hợp lý (X16)		0,178		
Giá cả dịch vụ lưu trú hợp lý (X17)		0,170		
Giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý (X18)		0,180		
Giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý (X19)		0,189		
Khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp (X20)			0,215	
Sự đa dạng và đồng đều về vật (X21)			0,305	
Môi trường tự nhiên trong lành (X22)			0,312	
Công tác giáo dục môi trường và bảo tồn sinh vật (X23)			0,325	
Lợi ích DLST mang lại cho cộng đồng địa phương (X24)			0,311	
Rất thu được quản lý tốt (X25)			3,301	
Quản lý vấn đề an ninh (X26)				0,190
Quản lý vấn đề chữa bệnh, bệnh giả (X27)				0,204
Quản lý vấn đề trật tự (X28)				0,274
Quản lý vấn đề bạo lực (X29)				0,186

Nguyễn kết quả điều tra du khách năm 2015, n=115

Dựa vào bảng 6 ta có các phương trình điểm số nhân tố sau:

$$F1 = 0,250X1 + 0,245X2 + 0,239X3 + 0,235X4 + 0,242X5 + 0,230X6$$

Trong số 6 biến đo lường của nhóm nhân tố (1): "nguồn nhân lực" thì có 4 biến có điểm số nhân tố lớn nhất là X1, X2, X5, X3 và 4 biến đo lường này có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển DLST ở 3 địa điểm DLST nói trên.

$$F2 = 0,260X7 + 0,150X8 + 0,202X9 + 0,195X10 + 0,145X11 + 0,257X12 + 0,250X13 + 0,249X14 + 0,259X15$$

Trong số 9 biến đo lường của nhóm nhân tố (2): "an toàn và cơ sở hạ tầng phục vụ DLST" thì có X7, X15, X12, X13 và X14 có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của DLST ở 3 địa điểm trên vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F3 = 0,178X16 + 0,170X17 + 0,180X18 + 0,189X19$$

Trong số 4 biến đo lường của nhóm nhân tố (3): "giá cả các loại dịch vụ" thì có 3 nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự phát triển của DLST ở Tràm Chim, Trà Sư và Gáo Giồng là X19, X18, X16.

$$F4 = -0,315X20 + 0,305X21 + 0,312X22 + 0,325X23 + 0,311X24 + 0,301X25$$

Trong số 6 biến đo lường của nhóm nhân tố (4): "môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng" thì có 4 nhân tố: X23, X20, X22, X24 có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của DLST ở 3 địa điểm trên vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

$$F5 = 0,190X26 + 0,204X27 + 0,210X28 + 0,186X29$$

Trong số 4 biến đo lường của nhóm nhân tố (5): "an ninh trật tự" thì có X28, X27 có ảnh hưởng mạnh đến phát triển của DLST vì có điểm số nhân tố lớn nhất.

### Kết luận

Có 5 nhóm nhân tố có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển DLST ở Tràm Chim, Trà Sư và Gáo Giồng: nguồn nhân lực (X1: sự thông thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên; X2: kiến thức tổng hợp của hướng dẫn viên; X5: sự thông thạo ngoại ngữ của nhân viên và X3: kỹ năng giao tiếp, ứng xử khôn khéo của hướng dẫn viên); an toàn và cơ sở hạ tầng phục vụ DLST (X7: phương tiện vận chuyển tham quan an toàn, rộng rãi; X15: tốc độ phương tiện vận chuyển tham quan phù hợp; X12: trang bị đầy đủ áo phao; X13: các bến thuyền rộng rãi, an toàn; X8: nhà vệ sinh sạch sẽ, an toàn, sáng sủa); giá cả các loại dịch vụ (X19: giá cả dịch vụ mua sắm hợp lý; X18: giá cả dịch vụ ăn uống hợp lý; X16: giá cả dịch vụ tham quan hợp lý); môi trường tự nhiên, giáo dục và bảo tồn, lợi ích mang lại cho cộng đồng (X23: công tác giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan; X20: khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, đẹp; X22: môi trường tự nhiên trong lành; X24: lợi ích DLST mang lại cho cộng đồng địa phương); an ninh trật tự (X28: quản lý vấn đề trật tự; X27: quản lý vấn đề chèo

kéo, thách giá).

Từ sự phân tích trên, tác giả đề xuất một số giải pháp để giúp DLST của vùng ĐBSCL phát triển phù hợp hơn:

- Giữ gìn và bảo tồn môi trường tự nhiên, hạn chế những tác động xấu của con người đến cảnh quan và các loài động thực vật. Nâng cao nhận thức về vấn đề bảo vệ môi trường đối với nhân viên và cộng đồng địa phương. Hướng dẫn viên cần lồng ghép giáo dục môi trường và bảo tồn cảnh quan khi hướng dẫn du khách.

- Khuyến khích người dân sản xuất, khôi phục lại một số nghề truyền thống để cung cấp cho du khách. Đây mạnh liên kết với những hộ dân có điều kiện cho du khách lưu trú tại nhà dân.

- Mỗi địa điểm nên có những hướng dẫn viên có kiến thức tổng hợp, có trình độ về ngoại ngữ (tiếng Anh) và khả năng diễn đạt, tác phong chuyên nghiệp. Đào tạo đội ngũ phục vụ trên phương tiện vận chuyển tham quan thông thạo về tiếng Anh, có kỹ năng giao tiếp và tác phong phục vụ theo hướng chuyên nghiệp.

- Bến thuyền cần nâng cấp rộng hơn và xây dựng thêm thanh an toàn để trẻ em và người già có thể dựa vào khi đi xuồng thuyền. Xây dựng thêm nhà vệ sinh để đáp ứng yêu cầu của du khách về sự sạch sẽ, an toàn.

- Cơ sở lưu trú phải đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, tiện nghi. Cần tập huấn cho nhân viên phục vụ chuyên nghiệp hơn, thông thạo ngoại ngữ (tiếng Anh).

- Cung cấp đầy đủ áo phao cho du khách. Thay thế

thuyền chạy động cơ bằng thuyền chèo tay nhằm đảm bảo tốc độ phù hợp. Đào tạo nhân viên chèo xuồng tay có tính chuyên nghiệp hơn, có nghiệp vụ du lịch hơn và thông thạo tiếng Anh.

- Cần đảm bảo sự sạch sẽ, thoáng mát, rộng rãi và vệ sinh tại các nhà hàng và cửa hàng. Đảm bảo các nhà hàng phải phù hợp với những nguyên tắc của DLST. Giá cả cần được niêm yết rõ ràng và có dịch ra tiếng Anh.

- Đảm bảo tại các điểm du lịch và vùng đệm không có tình trạng ăn xin nhằm tạo sự thoải mái cho du khách. Những ảnh hưởng của tiếng ồn cần được quản lý chặt chẽ để đảm bảo sự yên lặng cho du khách ở điểm DLST.

### Tài liệu tham khảo

- [1] <http://fita.hua.edu.vn/thieuu/files/TinUId/1y%20thuyet%20Tuong%20quan--Ho%20quyy.pdf>, truy cập ngày 10.7.2015.
- [2] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1, Nxb Hồng Đức.
- [3] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 2, Nxb Hồng Đức.
- [4] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, Nxb Hồng Đức.
- [5] <https://www.scribd.com/doc/43261603/Cb-III-Factor-Analysis-Cronbach-Alpha>, truy cập ngày 10.7.2015.